

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ MINH PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ MINH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH PHAT INTERNATIONAL TRADING DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MINH PHAT ITD CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109769146

3. Ngày thành lập: 07/10/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 334 Đường Đông Hội, Thôn Trung Thôn, Xã Đông Hội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985.926.724

Fax:

Email: tmqminhphat@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
5.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
6.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
7.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
8.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
9.	Sản xuất đường	1072
10.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
11.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
12.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
13.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
14.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
15.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
16.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
17.	In ấn	1811
18.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
19.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011

20.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên; - Sản xuất chất giống nhựa; - Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất; - Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi hương dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm; - Sản xuất các sản phẩm hoá chất khác như: + Pep ton, dẫn xuất của pep ton, các chất protein khác và dẫn xuất của chúng; + Dầu mỡ; + Dầu hoặc mỡ được pha chế bằng quá trình hoá học; + Nguyên liệu sử dụng trong hoàn thiện sản phẩm dệt và da; + Bột và bột nhão sử dụng trong hàn; + Sản xuất chất để tẩy kim loại, + Sản xuất chất phụ gia cho xi măng, + Sản xuất các bon hoạt tính, chất phụ gia cho dầu nhờn, chất xúc tác cho cao su tổng hợp, chất xúc tác và sản phẩm hoá chất khác sử dụng trong công nghiệp, + Sản xuất chất chống cháy, chống đóng băng	2029
21.	Đúc kim loại màu	2432
22.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
23.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
24.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
25.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
26.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
27.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
28.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
29.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
30.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
31.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
32.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
33.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
34.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
35.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
36.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
37.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
38.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
39.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
40.	Sản xuất máy luyện kim	2823
41.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
42.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825

43.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
44.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
45.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
46.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
47.	Xây dựng nhà để ở	4101
48.	Xây dựng nhà không để ở	4102
49.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
50.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
51.	Xây dựng công trình điện	4221
52.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
53.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
54.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
55.	Xây dựng công trình thủy	4291
56.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
57.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
58.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
59.	Phá dỡ	4311
60.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
61.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
62.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
63.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
64.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
65.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
66.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
67.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	4512
68.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
69.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
70.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
71.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
72.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
73.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
74.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610

75.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
76.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
77.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thực phẩm; - Kinh doanh thực phẩm chức năng	4632(Chính)
78.	Bán buôn đồ uống	4633
79.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
80.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
81.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
82.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
83.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
84.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
85.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
86.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
87.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
88.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669
89.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
90.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
91.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
92.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
93.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
94.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724

95.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
96.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
97.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
98.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
99.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
100.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
101.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
102.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
103.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
104.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
105.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
106.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ súng, đạn, tem, vàng và tiền kim khí)	4773
107.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
108.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
109.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931
110.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
111.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
112.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
113.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
114.	Dịch vụ ăn uống khác	5629

115.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
116.	Xuất bản phần mềm (Trừ xuất bản phẩm)	5820
117.	Lập trình máy vi tính	6201
118.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
119.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
120.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; - Các dịch vụ cắt xén thông tin	6399
121.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
122.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất công trình. - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; - Thiết kế cơ - điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; - Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. - Kiểm định xây dựng - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Thẩm tra thiết kế xây dựng - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Dịch vụ tư vấn đấu thầu; - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy - Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy; huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy - Dịch vụ thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, quan trắc công trình xây dựng - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng	7110
123.	Quảng cáo	7310

124.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
125.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; tư vấn chứng khoán)	7490
126.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
127.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
128.	Đại lý du lịch	7911
129.	Điều hành tua du lịch	7912
130.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
131.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
132.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
133.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
134.	Đào tạo sơ cấp	8531
135.	Đào tạo trung cấp	8532
136.	Đào tạo cao đẳng	8533
137.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính	8559

